

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 174/QĐ-BNN-BVTV ngày 09/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo vệ thực vật và trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 373/QĐ-BNN-BVTV ngày 19/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 05/TTr-SNN ngày 06/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*chi tiết tại phụ lục*).

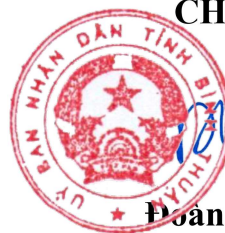
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/02/2023.

Bãi bỏ nội dung tại số thứ tự 1, 2 lĩnh vực bảo vệ thực vật mục I phần A phụ lục 01 ban hành kèm theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Sở TT&TT (p/h cập nhật các phần mềm);
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTTHC.Hữu



CHỦ TỊCH

Đoàn Anh Dũng

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Kèm theo Quyết định số 304 /QĐ-UBND ngày 15 /02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung (02 TTHC)

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI			
Lĩnh vực bảo vệ thực vật (02 TTHC)								
1	1.007931	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	12 ngày làm việc	Một phần	Có	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	500.000 đồng/cơ sở/lần	- Điều 42 Luật Trồng trọt năm 2018; - Điều 4, Điều 13, Điều 15, Điều 17, Điều 26 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ; - Điều 1 Nghị định số 130/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022 của Chính phủ; - Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2	1.007932	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	<p>- 12 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).</p> <p>- 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p>	Một phần	Có	<p>- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.</p> <p>- Cơ quan giải quyết: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	200.000 đồng/cơ sở/lần	<p>- Điều 42 Luật Trồng trọt năm 2018;</p> <p>- Điều 4, Điều 13, Điều 16, Điều 17, Điều 26 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ;</p> <p>- Điều 1 Nghị định số 130/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>
---	----------	--	--	----------	----	---	------------------------	--

Ghi chú:

- Thời gian giải quyết TTHC đã được rút ngắn theo Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính rút ngắn thời gian giải quyết trên địa bàn tỉnh Bình Thuận năm 2022.
- Quy trình nội bộ giải quyết TTHC được ban hành tại Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính rút ngắn thời gian giải quyết trên địa bàn tỉnh Bình Thuận năm 2022.
- Mức độ cung cấp DVC trực tuyến thực hiện theo Điều 11 Chương III của Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.